

+ Số mảnh (tỷ lệ 50.000) x (375.000 đồng + 100.000 đồng) / mảnh
 + Số mảnh (tỷ lệ 100.000) x (375.000 đồng + 100.000 đồng) / mảnh
 17.6. Tính lại diện tích, chỉnh lý phiếu 2, chỉnh lại các biểu thống kê tiểu khu, xã, huyện, tỉnh. Hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu rừng theo tiểu khu.

Chi phí = Chi phí mục 5 + 0,5 * Chi phí mục 6.

Theo dõi diễn biến cập nhật thông tin

18. Tổ chức thu thập thông tin ngoài thực địa và cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm (cho 3 năm của Dự án)

Diện tích biến động trên thực địa cập nhật lên bản đồ và cơ sở dữ liệu tạm tính hàng năm là 5% tổng diện tích đất lâm nghiệp

Định mức áp dụng tính dự toán là 15.000 đồng /ha

Quyết toán theo diện tích biến động thực tế và định mức tương ứng cho từng đối tượng.

Chi phí theo dõi diễn biến = Diện tích cập nhật x 15.000 đồng /ha

Trong đó:

+ Ngoại nghiệp	40%
+ Nội nghiệp	15%
+ Dụng cụ kỹ thuật, văn phòng phẩm	5%
+ Cập nhật bản đồ, số liệu	15%
+ Kiểm tra, nghiệm thu (Nội, ngoại nghiệp)	15%
+ Tổng hợp báo cáo	10%

Tổng chi phí từ mục 1 đến 18 là chi phí trực tiếp của Dự án (A1).

Phần dự toán cho trang thiết bị, đào tạo sử dụng trang thiết bị tính riêng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin liên hệ với Cục Kiểm lâm để giải thích chi tiết.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

QUYẾT ĐỊNH số 103/2000/QĐ-BNN-TCCB
ngày 12/10/2000 về việc sửa đổi Quy
chế điều hành thực hiện Dự án
Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và
tái tạo rừng vùng đầu nguồn sông
Đà.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
 PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995

của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 115/1998/QĐ-BNN ngày 12/8/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế điều hành thực hiện Dự án Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tái tạo rừng vùng đầu nguồn sông Đà (Đào nợ);

Căn cứ Tờ trình ngày 20/4/2000 của Trưởng ban Ban Quản lý các dự án viện trợ lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Phát triển lâm nghiệp về việc đề

nghey sửa đổi, bổ sung Quy chế điều hành thực hiện dự án Đảo nợ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi Quy chế điều hành Dự án Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tái tạo rừng đầu nguồn sông Đà đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 115/1998/QĐ-BNN ngày 12/8/1998 như sau:

1. Hủy bỏ điểm 3 Điều 6.

2. Bổ sung thêm điểm 5 Điều 7 như sau:

5. Thành lập Hội đồng nghiệm thu: thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm: Chủ tịch Hội đồng là Trưởng hoặc Phó Ban Quản lý dự án cấp huyện. Thành viên Hội đồng gồm kế toán và điều phối viên dự án cấp huyện, đại diện các ngành ở huyện (giao thông, xây dựng, thủy lợi, nông lâm nghiệp), tiến hành nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thay đổi toàn bộ Điều 13 như sau:

Những nội dung kế hoạch dự án được triển khai thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế A-B tại các Ban Quản lý dự án cấp huyện. Khi kết thúc hoặc thanh lý hợp đồng, Ban Quản lý dự án cấp huyện thành lập Hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu các công trình xây dựng cơ bản (lâm sinh, lâm nông nghiệp và các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng) theo điểm 5 Điều 7 mới bổ sung trong Quyết định này.

Ban Quản lý dự án cấp huyện chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu, số lượng và chất lượng các công trình. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu Trưởng ban Ban Quản lý dự án cấp huyện ký xác nhận khối lượng công trình làm cơ sở thanh toán vốn cho bên thi công (B), chuẩn bị hồ sơ, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ, Cục chức năng liên quan và Ban điều hành Trung ương dự án, Trưởng ban Ban Quản lý dự án Trung ương và địa phương thuộc hai tỉnh Sơn La và Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH số 167/2000/QĐ-BTC ngày
25/10/2000 về việc ban hành Chế
độ báo cáo tài chính doanh nghiệp.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh Kế toán và thống kê được công bố theo Lệnh số 06-LCT/HĐNN ngày 20/5/1988 của Hội đồng Nhà nước và Điều lệ tổ chức kế toán nhà nước ban hành theo Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn